

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỊA ỐC HOÀNG GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỊA ỐC HOÀNG GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG GIA REAL ESTATE GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TẬP ĐOÀN ĐỊA ỐC HOÀNG GIA

2. Mã số doanh nghiệp: 0109604225

3. Ngày thành lập: 20/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7, ngõ 130, đường Trần Tử Bình, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936061359

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Ủy thác mua bán hàng hóa; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) oanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Ủy thác mua bán hàng hóa; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
2.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
3.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
5.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
6.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
7.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
8.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
9.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
10.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
11.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
12.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

13.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;	2599
14.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
15.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khóa;	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh;	4669
21.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
22.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
23.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh phương tiện phong cháy chữa cháy;	4659

25.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;	4329
26.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
27.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế phương tiện vận tải)	7410
28.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
29.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: - Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ; - Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu, đường ngầm như: + Thi công mặt đường: rải nhựa đường, rải bê tông... + Sơn đường và các hoạt động sơn khác, + Lắp đặt đường chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự	4212
30.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);	7830
31.	Phá dỡ	4311
32.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);	4312
33.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

34.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bể ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển;	4390
35.	Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);	7820
36.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dao, kéo, dụng cụ cắt gọt, đồ dùng nhà bếp; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ; thủy tinh - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;	4759
37.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
38.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
39.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
40.	Thu gom rác thải độc hại	3812
41.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
43.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920

44.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4933
45.	Bốc xếp hàng hóa	5224
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
47.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
48.	Cho thuê xe có động cơ	7710
49.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
50.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Loại trừ hoạt động đấu giá	4513
51.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
52.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Loại trừ hoạt động đấu giá	4530
53.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: - Loại trừ hoạt động đấu giá	4541
54.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
55.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: - Loại trừ hoạt động đấu giá	4543
56.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
57.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
58.	Sản xuất than cốc	1910
59.	Tái chế phế liệu	3830
60.	Khai thác dầu thô	0610
61.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
62.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
63.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
64.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán vàng trang sức mỹ nghệ (Điều 8 NĐ 24/2012/NĐ-CP)	4773

65.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất; - Bán buôn đồ dùng cho gia đình	4649
66.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
67.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
68.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
69.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
70.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ bán lẻ đồ cổ và hoạt động của nhà đấu giá; bán lẻ hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí;)	4774
71.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
72.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
73.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
74.	Sản xuất giày, dép	1520
75.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa	4610
76.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
77.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
78.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
79.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
80.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
81.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
82.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
83.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
84.	Bán buôn đồ uống	4633
85.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
86.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
87.	Điều hành tua du lịch	7912
88.	Đại lý du lịch	7911

89.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
90.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
91.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
92.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
93.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
94.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
95.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
96.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết : - Dịch vụ môi giới bất động sản theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản 2014 - Tư vấn bất động sản theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản 2014	6820
97.	Bưu chính	5310
98.	Chuyển phát	5320
99.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
102.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
103.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
104.	Vận tải hành khách hàng không	5110
105.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
106.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
107.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
108.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
109.	Vận tải đường ống	4940
110.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
111.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
112.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
113.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
114.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
115.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
116.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

117.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
118.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
119.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
120.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
121.	Đúc sắt, thép	2431
122.	Đúc kim loại màu	2432
123.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
124.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
125.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
126.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
127.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
128.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
129.	Sản xuất đồng hồ	2652
130.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
131.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
132.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
133.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
134.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
135.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
136.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
137.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
138.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
139.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
140.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
141.	Sản xuất máy luyện kim	2823
142.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
143.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
144.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
145.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
146.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
147.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
148.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
149.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
150.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
151.	Quảng cáo	7310

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 20/04/2021 đến ngày 20/05/2021

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN NHẬT LỆ	Số 08 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.800	68.000.000	1,000	091883964	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	6.800	68.000.000	1,000		
2	LÊ THỊ HỒNG TRANG	Thôn Dương Liễu 1, Xã Minh Tân, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.800	68.000.000	1,000	152253110	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	6.800	68.000.000	1,000		

3	NGUYỄN THANH HOÀNG	8/54 đường Quang Trung, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	666.400	6.664.000.000	98,000	141956135
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	666.400	6.664.000.000	98,000	

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

* Ho và tên: NGUYỄN THANH HOÀNG

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Ngày cấp: 03/05/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Chỗ ở hiện tại: 8/54 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội